

Số: 11 /2021/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *10* tháng 6 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử - Công báo tỉnh;
- VP: các PCVP, CV NC TH;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh

Cao Bằng, ngày 10 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ

Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số: M /2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, các doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công và các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác được giao quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân thủ theo nguyên tắc đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, chính xác số liệu của toàn tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đảm bảo đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

1. Báo cáo kê khai tài sản công áp dụng đối với các loại tài sản sau đây

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nhà, các công trình khác gắn liền với đất); xe ô tô các loại; tài sản cố định khác.

b) Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

đ) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

e) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

g) Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản công

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với những tài sản công hiện đang quản lý, sử dụng tại thời điểm Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) có hiệu lực thi hành. Đối với tài sản công đã đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì không phải báo cáo kê khai lần đầu.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng đối với các trường hợp có thay đổi về tài sản công do đầu tư xây dựng, mua sắm, nhận bàn giao; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; thu hồi, giao, điều chuyển, bán, thanh lý, ghi giảm do bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý khác theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền; chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập, giải thể theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Nội dung báo cáo kê khai tài sản công

a) Báo cáo kê khai tài sản công phải ghi đúng và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính).

b) Cơ quan tiếp nhận và quản lý báo cáo kê khai tài sản công được phép từ chối và yêu cầu báo cáo lại nếu phát hiện báo cáo kê khai không ghi đúng và đầy đủ thông tin.

4. Trình tự báo cáo kê khai tài sản công

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản; gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đến sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện trong trường hợp được phân cấp nhập liệu); lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Hồ sơ báo cáo kê khai gồm:

- Báo cáo kê khai (lần đầu hoặc bổ sung) theo mẫu ban hành kèm theo thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính;

- Hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản báo cáo kê khai: 01 bản sao.

b) Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

- Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

- Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính. Lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Tài chính hoặc phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (trường hợp được phân cấp nhập liệu) thực hiện cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

d) Sở Tài chính thực hiện duyệt dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, bảo mật dữ liệu.

Điều 4. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này hoặc

theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gửi sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Sở Tài chính tổng hợp và dự thảo Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 03 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 5. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công

1. Đối với việc lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc lập dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công phải căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, lập hồ sơ gửi sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý trong trường hợp được phân cấp nhập liệu) và Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 6. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công

1. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm đăng ký, kê khai tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để theo dõi. Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các chỉ tiêu quản lý về tài sản công gửi sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện trong trường hợp được phân cấp nhập liệu) và Sở Tài chính để thực hiện đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Trường hợp tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì nguyên giá tài sản trong báo cáo kê khai tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

- + Giá trị đề nghị quyết toán;
- + Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- + Giá trị dự toán Dự án đã được phê duyệt.

Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa giá trị trên Cơ sở dữ liệu với giá trị quyết toán, đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện trong trường hợp được phân cấp nhập liệu), Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu.

3. Các đơn vị chủ đầu tư bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản công đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xử lý tài sản công

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công khi đề nghị xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý gửi sở, ban, ngành chủ quản (nếu có) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị xử lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao

Bảng Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Đối với quyết định xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tài chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị xử lý qua Sở Tài chính.

4. Đối với quyết định xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị xử lý qua sở, ban, ngành chủ quản (nếu có).

5. Đối với quyết định xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị xử lý qua phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện.

Điều 8. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan

1. Sở Tài chính

a) Cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập báo cáo kê khai, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch (trong trường hợp được phân cấp nhập liệu) cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

a) Báo cáo kê khai tài sản công theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ gửi sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị trực thuộc) hoặc gửi Sở Tài chính (đối với đơn vị dự toán cấp I) đối với trường hợp kê khai lần đầu hoặc kê khai bổ sung;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thi hành những quy định tại Quy chế này.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.